

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 6 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Quang Toán;

Ông Châu Văn Khoẻ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Yến – Thẩm tra viên kiêm Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01/12/2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị S**, sinh ngày 29/7/1993;

Địa chỉ: Thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Thông Ch** (Tên gọi khác; Bàn Văn U), sinh ngày 29/4/1990;

Địa chỉ: Thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Na Hang, Phòng Giao dịch Yên Hoa;

Địa chỉ: Thôn Bản Chợ, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện: Ông **Vương Văn Tr** – Giám đốc phòng giao dịch.

+ Bà Triệu Mùi S;

+ Ông Hoàng Dùn L;

+ Chị **Hoàng Thị H**;

Cùng địa chỉ: Thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Chị **Hoàng Thị Nh**;

Địa chỉ: Thôn Bản Lá, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Chị S, anh Ch, ông L có mặt;

Ông Tr, bà S, chị Nh, chị H có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà chị Hoàng Thị S trình bày:

Chị và anh Hoàng Thông Ch (Trước khi kết hôn tên là Bàn Văn U) quen biết nhau, tự do tìm hiểu, tự nguyện ở với nhau, được hai bên gia đình cưới hỏi từ năm 2007. Đến ngày 07/10/2013 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã S L, huyện Na Hang.

Sau khi cưới hỏi anh Ch về ở rể chung sống cùng bố mẹ đẻ chị một thời gian và tự đổi tên thành Hoàng Thông Ch, khi đăng ký kết hôn khai tên là Hoàng Thông Ch.

Cách đây khoảng 6 năm anh chị mượn đất trồng ngô của bố mẹ chị làm nhà ra ở riêng tại thôn Phiêng Ngâm. Khi ra ở riêng thì anh chị xảy ra mâu thuẫn. Anh Ch thường đi uống rượu về say thì đánh chị, đập phá tài sản trong gia đình. Có lần anh Ch còn đổ xăng để nhằm đốt nhà nhưng có người ngăn cản nên không đốt được. Gần đây nhất là ngày 30 Tết nguyên đán năm 2021 anh Ch đuổi, đánh chị, chị phải đưa các con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau đó ngày mùng 02 Tết anh Ch sang nhà bố mẹ đẻ chị chửi chị, dọa nạt chị. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Tình cảm với anh Ch không còn, chị xin ly hôn.

Anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh L1, sinh ngày 09/01/2008 và cháu Hoàng Khánh Hu, sinh ngày 25/6/2013. Hiện tại cả 02 con đều đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh Ch cấp dưỡng cho mỗi cháu là 400.000đ/1 tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh chị có nhà, bếp (Đều là cột gỗ, vách bưng ván, lợp xôximăng); hàng rào lưới sắt UB 40; xe mô tô; bồn nước Inox 1.200 lít và có 70.000.000đ gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Na Hang, Phòng Giao dịch Yên Hoa (sổ tiết kiệm mang tên anh Ch) (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Nhà, bếp gỗ làm nhờ trên đất của bố mẹ đẻ chị.

Chị đề nghị chia tài sản chung cho công bằng. Đề nghị chia nhà và xe mô tô cho anh Ch; chia bếp, hàng rào sắt lưới B40 và bồn nước cho chị. Nhà, bếp, hàng rào cả chị và anh Ch cùng phải dỡ đi để trả đất cho bố mẹ chị. Còn tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng thì chia sao cho giá trị tài sản chung mỗi người hưởng ½.

Về vay, nợ chung: Chị và anh Ch không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà anh Hoàng Thông Ch trình bày:

Về quen biết, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn và ở chung như chị S trình bày là đúng. Cách đây khoảng 07 năm thì vợ chồng anh mượn đất của bố vợ làm nhà ra ở riêng. Khi ra ở riêng anh đi làm xa – làm ở tỉnh Quảng Ninh. Ở nhà chị S không hỏi ý kiến anh mà gửi con cho ông bà ngoại và đi làm ở tỉnh Bắc Ninh. Đến Tết về nghỉ, sau Tết anh không cho chị S đi làm nữa nhưng chị S không nghe vẫn đòi đi. Anh bức tức nên đã tát chị S. Chị S đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 30 Tết năm 2020 (Sang năm mới là năm 2021). Chị S xin ly hôn nhưng anh không muốn ly hôn vì thương các con.

Anh và chị S có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh L1, sinh ngày 09/01/2008; cháu Hoàng Khánh Hu, sinh ngày 25/6/2013. Nếu phải ly hôn thì anh nhất trí để chị S nuôi cả 02 con. Về cấp dưỡng nuôi con anh không có ý kiến là sẽ cấp dưỡng bao nhiêu vì hiện nay anh không có thu nhập. Trước đây anh đi làm xa hoặc có đủ ruộng đất canh tác thu nhập bình quân của anh là 4.000.000đ đến 5.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị S có nhà, bếp chung. Nhà bếp làm trên đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ vợ. Do gia đình vợ không có con trai nên đã lấy anh về ở rể để làm con trai nên bố mẹ vợ phải cho anh đất. Bố mẹ vợ đã cho vợ chồng anh đất làm nhà cả đất trồng lúa, đất trồng ngô. Việc cho là bố, mẹ vợ nói cho nhưng chưa làm thủ tục tặng cho tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra vợ chồng anh còn có xe mô tô, bồn nước Inox và 70.000.000đ gửi tiết kiệm ở Ngân hàng như chị S trình bày.

Về chia nhà, xe mô tô anh nhất trí nhận nhưng phải chia cho anh đất có nhà. Về tiền gửi tiết kiệm ngân hàng anh đề nghị được lấy 40.000.000đ, còn lại chia cho chị S.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà ông Hoàng Dùn L trình bày:

Ông là bố của chị Hoàng Thị S. Chị S và anh Ch có đăng ký kết hôn. Gia đình bố mẹ anh Ch ở thôn Lũng Khiêng, xã S L. Kết hôn với chị S thì anh Ch về ở rể nhà ông. Cách đây khoảng 06 năm anh Ch, chị S mượn đất của ông làm nhà ở riêng cùng tại thôn Phiêng Ngâm. Sau khi ra ở riêng thì anh Ch, chị S xảy ra mâu thuẫn nhiều. Anh Ch thường xuyên uống rượu say, đánh chị S.

Chị S xin ly hôn đề nghị giao nuôi con chung và chia tài sản chung thì ông ông để chị S và con chị S tiếp tục ở nhà ông. Ông đề nghị chị S, anh Ch dỡ nhà, bếp, hàng rào để trả đất cho ông. Về thời hạn dỡ nhà đề nghị Toà án ấn định thời gian cho phù hợp.

Tại biên bản lấy lời khai bà Triệu Mùi S trình bày:

Bà là mẹ của chị Hoàng Thị S. Bà đã nghe Toà án lấy lời khai ông L. Bà nhất trí ý kiến ông L - chồng bà.

Tại bản tự khai chị Hoàng Thị Nh và chị Hoàng Thị H trình bày:

Các chị là em của chị Hoàng Thị S, con ông Hoàng Dùn L và bà Triệu Mùi S. Chị S kết hôn cùng anh Ch, ở cùng bố mẹ một thời gian thì bố mẹ cho chị S, anh Ch mượn đất làm nhà, bếp tạm bằng cột gỗ, vách bung ván gỗ, lợp tấm lợp xôximăng.

Đất bố mẹ cho mượn đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 942994 được UBND huyện Na Hang cấp ngày 25/11/2013 mang tên hộ ông Hoàng Dùn L.

Chị S đề nghị ly hôn, chia tài sản chung thì các chị đề nghị chị S, anh Ch trả lại đất mượn làm nhà, bếp cho bố mẹ. Về quyền sử dụng đất này các chị xác định là của bố và mẹ. Các chị không có quyền và nếu có quyền thì các chị nhường quyền đòi đất, sử dụng đất này cho bố mẹ các chị.

Tại Bản tự khai, đơn xin xử vắng mặt của Ngân hàng – ông Tr trình bày:

Ngày 28/9/2020, anh Hoàng Thông Ch (Sinh năm 1990, địa chỉ thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang) gửi tiết kiệm tại Ngân hàng với số tiền là 67.000.000đ. Nay chị Hoàng Thị S là vợ anh Ch xin ly hôn, đề nghị chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm. Ngân hàng sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền tiết kiệm cho anh Ch, chị S theo phán quyết phân chia của Tòa án.

Tính đến ngày 21/6/2022 cả tiền gốc và tiền lãi gửi tiết kiệm của anh Ch, chị S là 71.071.800đ.

Kết quả xác minh:

Ông Hoàng Văn Dành - Trưởng thôn Ph Ng, xã S L cho biết: Chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Thông Ch đi đến hôn nhân từ cách đây hơn 10 năm. Khi mới kết hôn anh Ch về ở rể nhà bố mẹ vợ. Cách đây khoảng 05 năm anh Ch, chị S làm nhà ra ở riêng. Ông biết anh Ch, chị S có mâu thuẫn thể hiện là cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vì sao ông không rõ.

Anh Ch, chị S có 02 con chung, cháu lớn đang học Trung học cơ sở, còn cháu bé học Tiểu học đều tại xã S L.

Anh Ch, chị S có tài sản chung là nhà, bếp cột gỗ, vách bung ván gỗ, lợp xôximăng. Ngoài ra có tài sản gì ông không rõ.

Về thu nhập của anh Ch bình quân là khoảng 1.500.000đ/tháng

Xác minh với ông Đặng Thanh Quang (Trưởng Công an xã S L) và ông Chúc Tiên Thanh (Cán bộ văn hoá xã hội– Nguyên Trưởng Công an xã S L) xác định anh Hoàng Thông Ch trước kia tên là Bàn Văn U.

Xác minh với ông Chúc Tiên Thanh - Cán bộ văn hoá hội xã xác định được hộ gia đình anh Ch là hộ Nghèo, thu nhập bình quân của anh Ch khoảng 1.200.000đ/tháng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm

sát đúng thời hạn quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118, 33, 38 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị S ly hôn anh Hoàng Thông Ch.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Khánh L1, sinh ngày 09/01/2008; cháu Hoàng Khánh Hu, sinh ngày 25/6/2013. Anh Hoàng Thông Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 400.000đ/ tháng cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh Ch có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung:

Về hiệt vật: Chia cho anh Ch nhà và xe mô tô. Chia cho Chị S bếp, hàng rào sắt B40 và bồn nước Inox.

Về tiền tiết kiệm: Chia cho anh Ch và chị S sao cho giá trị chia tài sản của vợ chồng bằng nhau.

Về án phí: Chị S, anh Ch thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí, do đó được miễn án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị S giao nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của các con; Bản sao sổ hộ khẩu; Thông báo thông tin công dân của Công an xã S L; Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh với Trưởng thôn Phiêng Ngâm; xác minh với Công an xã, nguyên Trưởng Công an xã S L; xác minh với công chức Văn hoá xã hội xã S L; xác minh với Ngân hàng; Xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Thông Ch không thống nhất với nhau về việc ly hôn; thống nhất về nuôi con chung (nếu phải ly hôn); Chị S, anh Ch không thống nhất với nhau về cấp dưỡng nuôi con và chia tiền tiết kiệm; Anh Ch và ông L thống nhất là đất của ông L nhưng không thống nhất được với nhau về việc trả đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Anh Hoàng Thông Ch cư trú tại thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang. Chị Hoàng Thị S có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng anh Ch không đến Tòa án làm việc nên không hoà giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà Triệu Mùi S, chị Hoàng Thị Nh, chị Hoàng Thị H và người đại diện của Ngân hàng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207, 228 BLTTDS Tòa án xét xử vụ án.

[3] Hôn nhân của chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Thông Ch trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị S, anh Ch phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do anh Ch thường uống rượu say, đánh chị S. Chị S đã đưa con về nhà mẹ đẻ sống ly thân khoảng 01 năm 05 tháng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh Ch là trầm trọng, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hoàng Thị S ly hôn anh Hoàng Thông Ch.

[4] Con chung: Chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Thông Ch có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh L1, sinh ngày 09/01/2008; cháu Hoàng Khánh Hu, sinh ngày 25/6/2013. Hai cháu đều là cháu gái. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Chị S đề nghị được nuôi cả 02 con. Anh Ch cũng đề nghị nếu ly hôn chị S nuôi cả 02 con. Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Khánh L và cháu Hoàng Khánh Hu.

Chị S đề nghị anh Ch cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu là 400.000đ/ tháng. Xét xác minh thu nhập của anh Ch, lời trình bày của anh Ch về thu nhập và nhu cầu đảm bảo cho các cháu thì mức đề nghị cấp dưỡng của chị S là phù hợp. Căn cứ vào các Điều 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân để buộc anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 400.000đ/ tháng cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung

Chị Hoàng Thị S, anh Hoàng Thông Ch có các tài sản là hiện vật đã được thẩm định, định giá như sau:

- + Nhà: Cột gỗ, vách ván gỗ, lợp p rô xi măng. Diện tích 71,82m². Trị giá 102.846.659 đ;
- + Nhà bếp: Cột gỗ, vách ván gỗ và tôn, lợp p rô xi măng. Diện tích 40m². Trị giá 48.541.196 đ;
- + Rào lưới sắt UB 40 diện tích 163.2092m². Trị giá 21.026.541 đ;

+ Xe mô tô: Biển kiểm soát 22N1-055.92, Đăng ký tên Bàn Văn U. Trị giá 16.451.400 đ;

+ Bồn nước Inox dung tích 1.200 lít, nhãn hiệu Mỹ Á. Trị giá 1.662.939 đ;

Chị S, anh Ch còn có tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, tính đến ngày 21/6/2022 cả gốc và lãi là 71.071.800đ.

Quyền sử dụng đất đang làm nhà, bếp, có rào lưới sắt là của hộ ông Hoàng Dùn L. Ông L, bà S và các con ông bà đề nghị chị S, anh Ch dỡ nhà, bếp, hàng rào trả đất là có căn cứ. Anh Ch cho rằng ông L đã cho đất là không có căn cứ.

Các con của ông L, bà S (Chị S, chị Nh và chị H) đồng ý để ông L, bà S được quyền đòi và sử dụng đất cho mượn.

Do đó buộc anh Ch, chị S phải dỡ nhà, bếp, hàng rào để trả diện tích 562,4m² đất cho ông L, bà S - đất thuộc một phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 942994 được UBND huyện Na Hang cấp ngày 25/11/2013 mang tên hộ ông Hoàng Dùn L (Có sơ đồ kèm theo) theo quy định của khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai.

Xét thấy chị S và các con đang ở cùng bố mẹ. Đăng ký xe mô tô mang tên anh Ch. Do đó đề nghị chia tài sản của chị S, anh Ch chia tài sản chung là hiện vật là phù hợp. Chia tài sản là hiện vật như sau:

Chia cho anh Ch xe mô tô; chia cho anh Ch nhà (dỡ mang đi để trả đất);

Chia cho chị S Bồn nước Inox; chia cho chị S bếp và rào (dỡ mang đi để trả đất).

Chị Hoàng Thị S có trách nhiệm tháo dỡ bếp, tháo dỡ hàng rào, di chuyển bồn nước Inox để trả đất cho ông L, bà S.

Anh Hoàng Thông Ch có trách nhiệm tháo dỡ nhà để trả đất cho ông L, bà S.

Cho anh Ch, chị S được quyền lưu cư 02 tháng kể từ ngày tuyên án.

Cộng giá trị hiện vật anh Ch được chia là: 102.846.659 đồng + 16.451.400 đ = 119.298.059đ;

Cộng giá trị hiện vật chị S được chia là: 48.541.196 đồng + 21.026.541 đ + 1.662.939 đ = 71.230.676 đ;

Tổng tài sản anh Ch, chị S có là: 119.298.059đ + 71.230.676 đ + 71.071.800đ = 261.600.535 đ.

Chia theo giá trị thì anh Ch được $\frac{1}{2}$, chị S được $\frac{1}{2}$ là 130.800.268đ.

Như vậy anh Chiêu sẽ được (130.800.268 đ – 119.298.059đ) = 11.502.208đ tiền gửi Ngân hàng;

Chị S được (130.800.268 đ – 71.230.676đ) = 59.569.592đ tiền gửi Ngân hàng.

Tiền gửi Ngân hàng tính theo tỉ lệ thì anh Ch đang được hưởng 16,2 %, chị S đang được hưởng 83,8 %. Do đó:

Số tiền gốc trong 11.502.208đ anh Ch được chia là $16,2 \% \times 67.000.000đ = 10.854.000đ$. Tiền lãi là $11.502.208 - 10.854.000đ = 648.208đ$

Số tiền gốc trong 59.569. 592đ chị S được chia là $83,8 \% \times 67.000.000đ = 56.146.000đ$. Tiền lãi là $59.569. 592đ - 56.146.000đ = 3.423.592đ$.

Chị S, anh Ch tiếp tục được hưởng tiền lãi của khoản tiền gửi tiết kiệm tương ứng với phần tiền được chia.

[6]. Về chi phí tố tụng và án phí:

Chi phí thẩm định và định giá chị S đã nộp đủ và nhận chịu nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

Chị Hoàng Thị S, anh Hoàng Thông Ch là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị S, anh Ch được miễn án phí.

[7]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các các Điều 33, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài chung khi ly hôn” của chị Hoàng Thị S.

Tuyên xử:

1. Cho chị Hoàng Thị S ly hôn anh Hoàng Thông Ch (Tên gọi khác Bàn Văn U).

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Khánh L1, sinh ngày 09/01/2008; cháu Hoàng Khánh Hu, sinh ngày 25/6/2013. Anh Hoàng Thông Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L1 là 400.000đ/tháng (Bốn trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi; phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hu là 400.000đ/tháng (Bốn trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Hu đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Chia tài sản chung:

Anh Hoàng Thông Ch được sở hữu xe mô tô BKS 22N1- 055.92; được sở hữu nhà gỗ 03 gian đang dựng trên đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 942994 được UBND huyện Na Hang cấp ngày 25/11/2013 mang tên hộ ông Hoàng Dùn L; được sở hữu 11.502.208 đ (Mười một triệu năm trăm linh hai nghìn hai trăm linh tám đồng. Trong đó 10.854.000đ là tiền gốc, 648.208đ là tiền lãi) tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Na Hang phòng Giao dịch Yên Hoa.

Chị Hoàng Thị S được sở hữu: Bồn Nước Inox; bếp cột gỗ 02 gian và rào sắt UB40 đang dựng trên đất theo đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 942994 được UBND huyện Na Hang cấp ngày 25/11/2013 mang tên hộ ông Hoàng Dùn L; được sở hữu 59.569. 592đ (Năm mươi chín triệu năm trăm sáu chín nghìn năm trăm chín mươi hai đồng. Trong đó 56.146.000đ là tiền gốc, 3.423.592đ là tiền lãi) tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Na Hang phòng Giao dịch Yên Hoa.

Chị S, anh Ch tiếp tục được hưởng tiền lãi của khoản tiền gửi tiết kiệm tương ứng với phần tiền được chia.

Chị Hoàng Thị S có trách nhiệm tháo dỡ bếp, tháo dỡ hàng rào, di chuyển bồn nước Inox, anh Hoàng Thông Ch có trách nhiệm tháo dỡ nhà để trả cho ông Hoàng Dùn L, bà Triệu Mùi S diện tích 562,4m² đất thuộc một phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 942994 được UBND huyện Na Hang cấp ngày 25/11/2013 mang tên hộ ông Hoàng Dùn L (Có sơ đồ kèm theo). Địa chỉ đất tại thôn Phiên Ngâm, xã S L, huyện Na Hang.

Anh Hoàng Thông Ch, chị Hoàng Thị S được quyền lưu cư 02 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Về chi phí tố tụng, án phí:

Chị Hoàng Thị S nhận chịu chi phí tố tụng (Chị S đã nộp đủ tiền),

Chị Hoàng Thị S, anh Hoàng Thông Ch được miễn toàn bộ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị S, anh Hoàng Thông Ch và ông Hoàng Dùn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Triệu Mùi S, chị Hoàng Thị Nh, chị Hoàng Thị H và người đại diện của Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang
- UBND xã S L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chầu Văn Khoẻ Lương Quang Toán

Phan Anh Thành

